

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/DS-PT

Ngày 11- 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Sanh Hiền

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH ADCN. Địa chỉ: Số 101 PDP, phường TA, quận NK, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình S, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số 93 NVT, phường ĐK, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 035/2019/GUQ-ADCN ngày 28/01/2019) - (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Khu phố BH, thị trấn

KL, huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- NLC (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH ADCN do người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Đình S trình bày và yêu cầu như sau:

Công ty TNHH ADCN có xây dựng chương trình Cánh đồng mơ ước với mục đích đầu tư vật tư nông nghiệp để hỗ trợ cho bà con nông dân trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Vào ngày 01/02/2016 Công ty có ký hợp đồng số 743/ĐX15-16 đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân với ông Trần Thanh T. Công ty đã cung cấp các sản phẩm vật tư nông nghiệp (gồm: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật....) cho ông T để sản xuất nông nghiệp, nhưng đến cuối vụ thu hoạch thì ông T không thanh toán hết số tiền vật tư mà Công ty đã bán cho ông.

Theo hợp đồng đã ký thì ông T có đơn đặt hàng vật tư nông nghiệp gửi cho Công ty trên cơ sở đó Công ty mới giao hàng theo số lượng và chủng loại mà ông T đã đặt. Sau đó thì ông T có trách nhiệm đi giao lại vật tư nông nghiệp cho nông dân và thu tiền về giao lại cho Công ty, sau khi nhận tiền từ ông T thì Công ty mới trích tiền hoa hồng cho ông T. Ông T có thông báo với Công ty diện tích và danh sách nông dân tham gia chương trình. Trên cơ sở ông T cung cấp danh sách nông dân và có đơn đặt hàng, Công ty có trách nhiệm giao vật tư nông nghiệp cho ông T và chỉ biết một mình ông T không biết các hộ nông dân khác trong câu lạc bộ với ông T, vì ông T sẽ chịu trách nhiệm giao vật tư nông nghiệp, nhận tiền và giao tiền về cho Công ty theo hợp đồng. Vì vậy Công ty cũng không biết ông Nguyễn Đình S và ông Châu Ê trong danh sách, Công ty chỉ biết ông T.

Các biên nhận việc ông Ngô Đức Th thừa nhận còn nợ lại Công ty TNHH ADCN số tiền vật tư nông nghiệp là 132.559.389 đồng và biên nhận thể hiện việc ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận còn nợ lại Công ty số tiền vật tư nông nghiệp là 133.076.884 đồng, nhưng thực tế Công ty không biết những người này. Vì Công ty không trực tiếp bán vật tư nông nghiệp và cũng không ký hợp đồng với họ. Vì vậy ông Th và ông T1 không có trách nhiệm với Công ty mà có trách nhiệm với ông T. Việc này do ông T là người đi gặp và yêu cầu ông Th, ông T1 xác nhận nợ với Công ty, chứ Công ty không biết ông T1 và ông Th.

Trong sổ chi tiết đơn vị mua hàng thì Công ty có thu tiền của ông T nhiều lần, lần cuối Công ty thu tiền là ngày 10/4/2018. Theo hợp đồng thì ông T là người có trách nhiệm thu tiền và giao nộp về cho Công ty, nhưng do ông T bận nhiều việc

nên có nhờ NLC là nhân viên Công ty đi giao vật tư nông nghiệp, thu tiền và nộp về Công ty thay cho ông T.

Ngày 22/8/2018, Công ty có phát hành thông báo nhắc nhở ông T trả nợ và ông T có nhận thông báo và ký xác nhận vào thông báo nhưng ông T vẫn không thực hiện. Mặt khác, Công ty cũng đã cử nhân viên quản lý địa bàn đến thu nợ nhưng ông T cứ hẹn mà không trả. Công ty có làm việc với ông T để giải quyết công nợ thì ông T trình bày rằng số lượng vật tư nông nghiệp sau khi đặt mua của Công ty thì ông T đã bán lại cho các hộ nông dân khác canh tác, các nông dân này chưa trả nợ cho ông nên ông T chưa thanh toán cho Công ty.

Tính đến ngày 19/9/2018, theo sổ chi tiết đơn vị mua của Công ty có xác nhận của ông T thì tiền vật tư nông nghiệp ông T chưa thanh toán cho Công ty là 152.287.838 đồng, trong đó tiền gốc là 93.125.544 đồng và tiền lãi là 59.162.294 đồng. Tại phiên tòa Công ty yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền là 152.287.838 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 20/9/2018 đến ngày 20/01/2019 là $93.125.544 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 4 \text{ tháng} = 2.793.766 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa, ông S đại diện Công ty xin rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền là 152.287.838 đồng.

Bị đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Vào năm 2016, ông T có quen biết với NLC nhân viên của Công ty TNHH ADCN thông qua bà H, ông T hợp tác và giới thiệu cho nông dân mua phân bón, thuốc trừ sâu của Công ty. Sau đó, ông có gặp ông Th người An Giang và ông có giới thiệu cho ông Th mua phân bón, thuốc trừ sâu của Công ty, mua số lượng phân, thuốc bao nhiêu ông không biết do ông Th nhận phân, thuốc từ NLC nhân viên của Công ty giao. Sau đó, ông Th có giới thiệu thêm ông B người An Giang, ông B cũng đồng ý mua phân và thuốc của Công ty, mua số lượng bao nhiêu ông không biết vì ông B nhận phân, thuốc từ NLC nhân viên Công ty. Do nông dân không thanh toán cho Công ty nên ông T và bà H cùng hỗ trợ cho NLC đi đòi tiền nông dân. Còn việc các hợp đồng và giấy tờ của Công ty ông ký thì NLC giải thích ông ký để tiện cho việc thanh toán tiền hoa hồng, mỗi công đất mà nông dân mua vật tư của Công ty để sản xuất nông nghiệp, ông được hưởng là 50.000 đồng (Khi ông thu tiền nông dân và giao về cho Công ty).

Nay Công ty kiện ông thiếu nợ phân, thuốc của Công ty thì ông mới biết. Do ông nghĩ mình chỉ là người môi giới để hưởng tiền hoa hồng, giới thiệu cho nông dân mua phân, thuốc trừ sâu của Công ty ADCN. Thực tế ông chưa bao giờ nhận phân, thuốc trừ sâu của Công ty lần nào (Việc này hoàn toàn do NLC giao phân, thuốc và nhận tiền từ nông dân). Người ông giới thiệu duy nhất và đầu tiên là ông

Ngô Đức Th, sau đó thì việc Công ty giao phân bón, thuốc trừ sâu và giao nhận tiền giữa Công ty với ông Th thì ông hoàn toàn không biết, tất cả đều do NLC thực hiện với ông Th.

Còn biên nhận nợ của ông Ngô Đức Th ký có xác nhận nợ vật tư nông nghiệp của Công ty là do ông có đến gặp và yêu cầu ông Th lập biên nhận xác nhận nợ với Công ty, để sau này Công ty sẽ tìm ông Th làm việc về số nợ mà ông Th xác nhận đã nợ Công ty. Việc ông Th giao vật tư nông nghiệp cho ông T1 thì ông không biết, nhưng sau đó nghe NLC báo lại nên ông mới đến gặp ông T1 yêu cầu ông làm biên nhận để xác nhận nợ với Công ty, để sau này Công ty sẽ làm việc với ông T1. Vì vậy việc Công ty khởi kiện ông yêu cầu trả nợ là không đúng, mà Công ty phải khởi kiện ông Th mới đúng. Ngoài ra thì ông không có yêu cầu phản tố với Công ty, cũng như không có yêu cầu độc lập với ông Ngô Đức Th, ông Nguyễn Văn T1.

NLC trình bày:

Thực hiện chương trình câu lạc bộ nông dân ADCN thì ông T ký thực hiện hợp đồng với vai trò là người nhận hàng, giao hàng cho nông dân và thu tiền trực tiếp từ nông dân, chuyển về Công ty, khi thanh toán hết số tiền đặt hàng thì Công ty sẽ thanh toán chi phí quản lý (tiền hoa hồng) 01 ha là 500.000 đồng cho ông T. Người ký hợp đồng là người chịu trách nhiệm công nợ với Công ty. Ông có được ông T nhờ đi giao phân bón, thuốc trừ sâu và thu tiền từ nông dân và báo lại cho ông T biết những việc này. Sau đó thì ông T có thể trực tiếp gửi tiền thu từ nông dân về Công ty hoặc giao tiền cho ông gửi về Công ty.

Thông qua giới thiệu của ông T thì ông Th có đặt hàng Công ty theo diện tích đất canh tác và ông có báo lại với ông T biết sự việc, ông trực tiếp giao hàng cho ông Th. Sau đó ông Th tự ý giao phân bón, thuốc trừ sâu của Công ty cho ông Nguyễn Văn T1. Việc ông Th tự giao phân bón, thuốc trừ sâu cho ông T1 thì ông không biết và cũng chưa gặp mặt ông T1. Căn cứ vào hợp đồng thì Công ty chỉ biết ông T, chứ Công ty không biết các hộ nông dân khác trong câu lạc bộ với ông T là ai. Vì vậy ông cũng không báo với Công ty việc ông Th có mua vật tư từ ông T thông qua việc ông T đặt hàng của Công ty, vì việc này ông chỉ cần thông báo và được ông T đồng ý là đủ vì ông T là người chịu trách nhiệm với Công ty theo hợp đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH ADCN. Buộc ông Trần Thanh T phải trả cho Công ty TNHH ADCN số tiền 152.287.838đ (*Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019, bị đơn ông Trần Thanh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH ADCN không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh T. Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng có đơn xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hợp đồng đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân: Ngày 01/02/2016, ông Trần Thanh T cùng Công ty do người đại diện Công ty TNHH ADCN - ông Nguyễn Đăng Kh, chức vụ: Giám đốc quảng bá có thỏa thuận việc ký hợp đồng đầu tư vật tư nông nghiệp cho các Hộ nông dân tham gia chương trình Cánh đồng mơ ước của Công ty TNHH ADCN, hai bên thỏa thuận thời hạn hợp đồng, điều kiện đầu tư, phương thức thanh toán và điều khoản thưởng, phạt.

Hợp đồng hợp tác đầu tư vật tư nông nghiệp ngày 01/02/2016 theo văn bản được ký kết tại Công ty và nó có hiệu lực từ ngày 01/02/2016 đến hết ngày 31/3/2016. Nhưng hợp đồng không được ký kết tại Công ty mà nó được lập sẵn để NLC giao cho ông T ký. Theo Điều 111 Bộ luật Dân sự năm 2005, thì hợp đồng hợp tác phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, nên hợp đồng này không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp

đồng mua bán để buộc ông T chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[3] Căn cứ theo hợp đồng, đơn đặt hàng, danh sách nông dân tham gia chương trình, bản xác nhận của ông T cung cấp thuốc cho Công ty TNHH ADCN thể hiện ông T không phải người trực tiếp nhận hàng và phân phối vật tư nông nghiệp cho Nông dân, theo phiếu thu người nhận vật tư, phân phối, thu tiền nộp cho Công ty là NLC, nên NLC có vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thể xác định là người làm chứng trong vụ án.

[4] Theo sổ chi tiết đơn vị mua (BL 15) chứng từ số 59300 ngày 02/02/2016 gồm có 03 chứng từ hỗ trợ (1) số 61741 ngày 01/02/2016 gồm thuốc Camilo 150SC 250cc x 84chai; (2) số 61835 ngày 02/02/2016 gồm bao đựng lúa CDMU 420 bao, Lobo 8WP 25gr (TS) x 440chai, Suphu 10GR 1kg x 84 chai; (3) số 61858 ngày 03/02/2016 gồm Lobo 8WP 25gr (TS) x 1.240 chai là sản phẩm Công ty hỗ trợ cho nông dân tham gia chương trình Cánh đồng mơ ước do ông Út là người trực tiếp nhận. Trong hồ sơ không thể hiện việc giao nhận sản phẩm hỗ trợ này cho nông dân, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ.

[5] Trong hồ sơ thể hiện có đơn đặt hàng, nhưng không có biên bản giao nhận hàng, không thể hiện việc NLC đã phân phối vật tư cho những nông dân nào, có nằm trong danh sách tham gia chương trình không, hiện nay những nông dân này còn nợ lại tiền vật tư không. NLC thừa nhận số nợ còn lại của ông T là phần nợ của ông Th - Nông dân trong câu lạc bộ của ông T mua phân bón thuốc trừ sâu sau đó bán lại cho ông T1 đến nay chưa thanh toán tiền cho Công ty. Số nợ của ông Th, ông Ê, ông S thì được chuyển giao cho bà Phạm Thị Lệ H chịu trách nhiệm với Công ty, còn phần nợ của ông T1 thì giao cho ông T chịu trách nhiệm (BL 45, 46, 47).

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những nông dân tham gia chương trình gồm: ông Nguyễn Điền S, ông Châu Ê, ông Ngô Đức Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thẩm tra, xác minh làm rõ các nội dung trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cũng như việc không đưa bà H, ông T1 tham gia để thẩm tra xác minh làm rõ các mối quan hệ trên là thiếu sót.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh T. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

[6] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bị đơn ông Trần Thanh T không phải nộp. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh T.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 140/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa nguyên đơn Công ty TNHH ADCN với bị đơn ông Trần Thanh T. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tiền tạm ứng án phí được xử lý khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Hoàn trả cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000028 ngày 20/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Do Phạm Thanh T nộp thay).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện KL;
- THA dân sự huyện KL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quang Tấn

